

XÂY DỰNG MÔ HÌNH ĐƯA CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

(Nghiên cứu trường hợp xây dựng mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch ở huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh)

I NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Email: vuthom6b@gmail.com

Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

BUILDING A MODEL TO BRING CULTURAL VALUES OF ETHNIC MINORITIES IN THE NORTH MOUNTAIN AREA WITH DEVELOPMENT SUSTAINABLE TOURISM
(A case study on building a model of a traditional craft village associated with tourism development in Ba Che district, Quang Ninh province)

TÓM TẮT

ABSTRACT

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc gắn với phát triển du lịch và chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Việc xây dựng mô hình đưa các giá trị văn hóa vào phát triển du lịch của địa phương là một nhiệm vụ cần thiết. Bài viết nghiên cứu trường hợp xây dựng mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch tại huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Bằng phương pháp khảo sát, điền dã tác giả đã mô tả các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của mảnh đất này, từ đó nghiên cứu xây dựng mô hình làng nghề gắn với du lịch. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho các nhà quản lý văn hóa trên địa bàn tham khảo và ứng dụng vào thực tế để phát triển kinh tế địa phương.

Từ khóa: : Mô hình, giá trị văn hóa, dân tộc ít người, du lịch, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

Preserving and promoting the cultural values of ethnic groups in association with tourism development and the great policy of our Party and State today. Building a model of bringing cultural values into the tourism development of the locality is a necessary task. The article studies the case of building a model of a traditional craft village associated with tourism development in Ba Che district, Quang Ninh province. Using survey and fieldwork, the author has described the tangible and intangible cultural values of this land, thereby studying and building a model of craft villages associated with tourism. The research results are the basis for cultural managers in the area to refer to and apply in practice to develop the local economy.

Keywords: Model, cultural values, ethnic minorities, tourism, Ba Che district, Quang Ninh province

MỞ ĐẦU

Ba Chẽ là một huyện miền núi của tỉnh Quảng Ninh, cách Thành Phố Hạ Long 80 km (đi theo đường Quốc lộ 18A từ Hạ Long đi Móng Cái). Phía Nam giáp huyện Hoàn Bồ, thị xã Cẩm Phả; Phía Đông giáp huyện Tiên Yên; Phía Tây giáp tỉnh Bắc Giang; Phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn. Tổng diện tích đất tự nhiên của Ba Chẽ là 60.855,56 ha, trong đó đất lâm nghiệp 55.285,29ha, chiếm tới hơn 91% diện tích đất tự nhiên, diện tích đất nông nghiệp là 1.348,64 ha.

Địa hình của Ba Chẽ khá phức tạp bao gồm núi đồi xen kẽ hệ thống sông suối nên tài nguyên du lịch tự nhiên nơi đây tương đối phong phú, có thể vận dụng phát triển các sản phẩm du lịch thuộc nhiều thể loại, loại hình khác nhau. Ngoài ra, Huyện Ba Chẽ còn có các di tích lịch sử, văn hóa khá đặc sắc, tập trung chủ

yếu tại xã Nam Sơn, xã Thanh Lâm và xã Lương Mông như: Miếu Ông - Miếu Bà, Lò gốm cổ, di tích Đình Làng Dạ, Khu di tích Cách mạng Hải Chi (xã Thanh Lâm), Khu di tích căn cứ địa cách mạng tỉnh Hải Ninh- Khe Lao (xã Lương Mông)... Sự tồn tại lâu đời của 10 dân tộc anh em như Dao, Tày, Kinh, Sán Chỉ, Cao Lan, Hoa... trên vùng đất giàu tài nguyên này giúp cho nơi đây chứa đựng một bề dày văn hóa hết sức đa dạng, giàu bản sắc. Điều này thể hiện rõ qua văn hoá ẩm thực, lễ hội, làng nghề truyền thống và sinh hoạt tín ngưỡng trong cộng đồng. Sự đa dạng về văn hóa còn mang lại cho nơi đây hệ thống các di sản văn hóa phi vật thể với nhiều loại hình khác nhau, như: trang phục, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghề thủ công truyền thống... Việc bảo tồn, phát huy các lễ hội văn hóa, thể thao truyền thống cũng đã góp phần mang đến cho Ba Chẽ nguồn tài nguyên du lịch nhân văn giàu giá trị.

NỘI DUNG

1. Giá trị văn hóa

1.1. Giá trị văn hoá vật thể

1.1.1. Các di tích

Trên địa bàn huyện có các di tích đã được UBND tỉnh Quảng Ninh công nhận gồm: Di tích lịch sử Miếu Ông - Miếu Bà, thôn Làng mới xã Nam Sơn; Chùa Trúc Lâm Bảo Quốc – xã Nam Sơn; Di tích lịch sử Lò Sứ cổ - xã Nam Sơn; Di tích lịch sử - văn hóa căn cứ địa cách mạng Hải Chi (Đình Làng Dạ - xã Thanh Lâm); Khu căn cứ kháng chiến chống Thực dân Pháp của tỉnh Hải Ninh xã Lương Mông; Khu vực máy bay Mỹ bị bắn rơi- thôn Khe Tâm- xã Nam Sơn; Khu di tích Khe Lao.

1.1.2. Phiên chợ vùng cao

Là huyện gồm 10 dân tộc anh em sinh sống, với 8 đơn vị hành chính. Mỗi dân tộc đều mang một nét văn hóa phong tục đặc trưng riêng. Do điều kiện giao thông chưa thuận lợi, người dân sống không tập trung chủ yếu sống tại các sườn núi. Để thuận tiện trong trao đổi hàng hóa phục vụ sinh hoạt của người dân, huyện Ba Chẽ đã đẩy mạnh thực hiện phiên chợ vùng cao tại các xã Lương Mông, Đạp Thanh, Thanh Lâm, Đồn Đạc, ngày chợ được phân rõ từng ngày trong tháng (Ví dụ như ngày mùng 1, 11, 21 hoặc ngày mùng 5, 15, 25...). Đây là nơi để người dân trao đổi hàng hóa, giao lưu. Tại phiên chợ du khách được thưởng thức các đặc sản của người dân tộc vùng cao, được ngắm nét hoa văn đầy màu sắc rực rỡ qua trang phục của các cô gái, chàng trai dân tộc tham gia phiên chợ. Phiên chợ vùng cao là một nét văn hóa cần lưu giữ, khôi phục.

1.1.3. Làng bản dân tộc

Vì là huyện miền núi nên các làng bản dân tộc đậm bản sắc văn hóa nơi đây như: Làng dân tộc Cao Lan – Khe Pụt trong, xã Thanh Sơn; Bản làng Sán Chỉ – Thôn Bắc Vãn, xã Thanh Sơn; Bản làng Tày – thôn Làng Dạ, xã Thanh Lâm; Bản làng người Dao bao gồm các bản làng dân tộc Dao Thanh Y và Dao Thanh Phán.

1.2. Giá trị văn hoá phi vật thể

1.2.1. Lễ hội

*** Lễ hội Miếu Ông, Miếu Bà**

Lễ hội được tổ chức vào các ngày 11 – 12 (âm lịch tháng riêng) với các nội dung chính: Dâng hương và phần Hội với các môn thể thao dân tộc truyền thống được tổ chức trong ngày chính hội như: đua thuyền bằng chân, đẩy gậy, kéo co, tung còn...

*** Lễ hội Đình Làng Dạ**

Hàng năm lễ hội Đình Làng Dạ được tổ chức vào dịp đầu Xuân từ mùng 9 (âm lịch tháng riêng), với không khí trang nghiêm, vui vẻ. Đây là lễ hội truyền thống của người Tày nhằm tưởng nhớ công lao Thành

Hoàng làng. Lễ hội thực sự trở thành Ngày hội của nhân dân họ đến với lễ hội đều phấn chấn, thoải mái, náo nức, trút bỏ những vất vả, gian truân, phiền muộn của cuộc sống đời thường, họ gửi gắm niềm tin vào những vị Thần - Thành Hoàng để cầu mong một năm mới mọi điều tốt lành, mùa màng bội thu, gia đình có sức khỏe tốt...

*** Lễ hội Lồng Tồng (hội xuống đồng)**

Lễ hội này hàng năm được huyện phân bổ về các xã nhiều dân tộc Tày (như Đạp Thanh, Minh Cầm, Lương Mông, Đồn Đạc). Lễ hội này được tổ chức trong tháng Giêng thường vào ngày cuối tháng 23 - 26/1 (âm lịch) vào thời vụ cày, cấy của nhân dân trong thôn. Lễ hội Lồng Tồng là lễ hội truyền thống đối với người dân tộc thiểu số tại các thôn vùng cao của huyện Ba Chẽ, thể hiện ý trí khát khao đòi hỏi sức khỏe, được tham gia các hoạt động sản xuất của người dân, cầu mong cho một năm mới tràn đầy bội thu.

*** Lễ hội Trà hoa vàng**

Lễ hội này được tổ chức 02 năm /lần vào đầu tháng 01 hàng năm. Đây là lễ hội nhằm tôn vinh một loài hoa được liệu quý nổi tiếng ở vùng đất Ba Chẽ. Hội trà hoa vàng là quảng bá và tôn vinh cây trà hoa vàng, giới thiệu các sản phẩm thế mạnh của địa phương trong chương trình xây dựng "Mỗi xã phường một sản phẩm", giới thiệu các nét văn hóa, nâng cao ý thức giữ gìn nét đẹp văn hoá truyền thống, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc.

Đến với lễ hội, du khách không chỉ được thưởng thức vẻ đẹp lộng lẫy của cây Trà hoa vàng đang rộ hoa chính vụ, nếm thử hương vị trà mới lạ mà còn được thưởng thức chương trình nghệ thuật đặc sắc “Rực rỡ Trà hoa vàng”. Du khách còn được tham gia liên hoan các trò chơi dân gian; thi nấu xôi màu, nấu cơm gánh, làm bánh, thêu, khâu trang phục truyền thống; thi đan công cụ truyền thống; liên hoan dân ca, dân vũ ... Ngoài ra, các gian hàng OCOP sẽ giúp du khách khám phá các thương hiệu nông sản đặc sắc nhất của Quảng Ninh.

1.2.2. Phong tục, tập quán truyền thống

Ba Chẽ với 10 dân tộc anh em sinh sống trong đó người Dao chiếm số đông trên 43,6%, Kinh 20,3%; Sán Chỉ 18%; Tày 16,4 còn lại là dân tộc khác chiếm 1,8%. Do đó nét văn hóa của mỗi dân tộc mang một màu sắc khác nhau. Trong phần này chúng tôi chỉ đề cập tới phong tục tập quán của người Dao Thanh Phán, Dao Thanh Y và Sán Chỉ.

*** Dao Thanh Phán**

Vị trí phân bố: Chủ yếu rải rác tại 05 xã trong đó xã Đồn Đạc chiếm tỷ lệ đông, toàn huyện chiếm tỉ lệ 25% trên tổng dân số. Trang phục: Một bộ trang phục

truyền thống của phụ nữ Dao Thanh Phán khá cầu kỳ, gồm quần, áo, thắt lưng, mũ đội đầu với kỹ năng thêu tỉ mỉ và tinh tế. Các bộ phận thêu gồm hai vạt áo, hai gấu quần và thắt lưng. Màu sắc và họa tiết thêu truyền tải được tín ngưỡng, quan niệm, phản ánh được một phần đời sống văn hóa của người Dao Thanh Phán. Màu sắc được chọn là các màu xanh, đỏ, vàng, trắng kết hợp thêu trên nền vải màu đen, hội đủ ngũ hành: Kim – vàng, Mộc – đen, Thủy – trắng, Hỏa – xanh, Thổ – đỏ. Đồng bào có niềm tin là khi mặc trên mình bộ áo sặc sỡ khiến cho các con thú dữ khi nhìn thấy sẽ tránh đi, không làm hại đến mình, bởi thú có dữ đến đâu vẫn yêu cái đẹp. Một niềm tin hồn nhiên nhưng phản ánh được tâm hồn đẹp của những con người suốt cuộc đời gắn bó với rừng núi.

Âm nhạc: Người Dao có làn điệu hát Đối; dụng cụ âm nhạc kèn đồng. Nghề: Thêu thổ cẩm truyền thống trên trang phục áo, quần, khăn đội đầu, yếm áo...; đan lát (dần, sàng, nong nia, guì, sọt).

Phong tục: Lễ cấp sắc (lễ đặt tên), lễ Phùn Vòng: Khi con trai của một gia đình muốn nhập họ để trở thành thành viên trong gia đình, dòng tộc thì phải làm lễ cấp sắc. Qua đây chứng tỏ họ đã trưởng thành và là thành viên của dòng tộc. Âm thực: Bánh sừng trâu, thịt chua, rượu sắn, rượu ngô....

Trò chơi dân gian: Đi cà kheo, đánh cù, đánh quay.

* Dao Thanh Y

Vị trí phân bố: chủ yếu tại xã Nam Sơn, Thanh Lâm.

Trang phục: Một bộ trang phục truyền thống của phụ nữ Dao Thanh Y khá cầu kỳ, gồm quần, áo, thắt lưng, mũ đội đầu với kỹ năng thêu tỉ mỉ và tinh tế. Các bộ phận thêu gồm hai vạt áo, thắt lưng. Trang phục của người Dao Thanh Y khác với Dao Thanh Phán trên địa bàn huyện Ba Chẽ là họ mặc quần cộc, họ cho rằng với trang phục như vậy họ sẽ dễ dàng thoải mái làm công việc. Màu sắc và họa tiết thêu truyền tải được tín ngưỡng, quan niệm, phản ánh được một phần đời sống văn hóa của người Dao Thanh Y. Màu sắc được chọn là các màu xanh, đỏ, vàng, trắng kết hợp thêu trên nền vải màu đen, hội đủ ngũ hành: Kim – vàng, Mộc – đen, Thủy – trắng, Hỏa – xanh, Thổ – đỏ. Đồng bào có niềm tin là khi mặc trên mình bộ áo sặc sỡ khiến cho các con thú dữ khi nhìn thấy sẽ tránh đi, không làm hại đến mình, bởi thú có dữ đến đâu vẫn yêu cái đẹp. Một niềm tin hồn nhiên nhưng phản ánh được tâm hồn đẹp của những con người suốt cuộc đời gắn bó với rừng núi.

Âm nhạc: Người Dao có làn điệu hát Đối; dụng cụ âm nhạc là kèn lá, xèng, trống. Nghề: Thêu thổ cẩm truyền thống trên trang phục áo, quần, khăn đội đầu, yếm áo...; đan lát (dần, sàng, nong nia, guì, sọt).

Phong tục: Lễ cấp sắc (lễ đặt tên), lễ Phùn Vòng: Khi con trai của một gia đình muốn nhập tộc họ để trở thành thành viên trong gia đình, dòng tộc thì phải làm lễ cấp sắc. Qua đây chứng tỏ họ đã trưởng thành và là thành viên của dòng tộc. Âm thực: Bánh sừng trâu, thịt chua, rượu sắn, rượu ngô....

Trò chơi dân gian: Đi cà kheo, đánh cù, đánh quay.

Nhà ở: Ngôi nhà cổ xưa của người Dao là nhà gạch đất (nhà trình), họ sống chủ yếu ở nơi gần khe, suối thuận tiện cho việc sinh hoạt đời sống hàng ngày.

* Sán Chi

Phân bố rải rác tại 8/8 xã thị trấn, chiếm tỷ lệ 14% tổng số dân. Người Sán Chi sống tập trung thành xóm nhỏ ở các vùng núi cao.

Nhà ở: Nhà sàn 4 mái vũng chãi là kiểu dáng nhà ở đặc trưng của họ. Tuy nhiên, nhà ở của người Sán Chi cũng có thay đổi theo từng vùng miền.

Nghề: Người Sán Chi làm ruộng là chính. Họ tiếp cận và vận dụng nền văn minh lúa nước từ rất lâu. Họ còn chăn nuôi và trồng trọt. Đây là nghề chính đem lại thu nhập chủ yếu cho từng gia đình người Sán Chi. Bên cạnh đó, họ có nghề thủ công như làm mộc, đan lát mây tre, rèn, thêu hoa văn trên trang phục. Tuy nhiên, những sản phẩm này chỉ mang tính tự cung, tự cấp trong cộng đồng, chưa trở thành hàng hóa phổ biến.

Trang phục: Trang phục của người Sán Chi do những bàn tay khéo léo của phụ nữ Sán Chi làm ra, đơn giản và không rực rỡ như trang phục của người Dao, nhưng vẫn có những nét độc đáo riêng biệt. Mặc trang phục truyền thống của dân tộc, phụ nữ Sán Chi phải vấn tóc, đội khăn màu đen và kèm theo các đồ trang sức như: vòng cổ, vòng tay bằng bạc. Mỗi cô gái Sán Chi đều có từ 2 - 3 chiếc thắt lưng làm bằng lụa hoặc nhiều màu sắc khác nhau được các cô khéo léo kết hợp cho phù hợp với trang phục của mình trong những ngày lễ, tết. Trang phục nam của người Sán Chi mộc mạc, đơn giản hơn nhưng vẫn toát lên vẻ đẹp khoẻ khoắn, mạnh mẽ với áo màu chàm, có hai túi rộng; quần dài, cạp chun, ống quần rộng để thuận lợi cho việc leo núi đồi.

Âm nhạc: Người Sán Chi có hát Soóng Cọ. Những câu dân ca được cộng đồng sáng tác và lưu truyền trên cơ sở nét văn hoá riêng có của dân tộc, những phong tục, tập quán và qua quá trình lao động. Hát dân ca của người Sán Chi gắn liền với tập tục hôn nhân, chúc thọ, mời rượu, đối đáp trao duyên và được trình diễn dưới nhiều hình thức, bối cảnh và không gian khác nhau.

Âm thực: Rượu sắn cá châu, lẩu nà, bánh dày, bánh

vắt vai, bánh cóc mò, bánh lá ngải, xôi ngũ sắc....

Phong tục: Dân tộc Sán Chi có nhiều họ, mỗi họ chia ra các chi. Từng họ có thể có một điểm riêng biệt về tập tục. Mỗi họ thờ "huong hòa" một thần linh nhất định. Trong gia đình người Sán Chi, người cha là chủ nhà. Người Sán Chi không có giỗ những người đã khuất mà chỉ thờ cúng tưởng nhớ ông bà tổ tiên vào các ngày mùng 1, rằm và các ngày tết lớn.

Trò chơi dân gian: Gồm các hoạt động như đi cà kheo, đánh quay, đánh đu...

2. Nghiên cứu xây dựng mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

Từ kinh nghiệm khai thác làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch của Thái Lan và một số địa phương tại Việt Nam như Hà Nội, Bắc Ninh, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam,... xây dựng được mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch tại huyện Ba Chẽ phù hợp với điều kiện của địa phương, của tỉnh Quảng Ninh nhằm phát triển du lịch bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, bảo tồn và giữ gìn các nghề truyền thống của huyện Ba Chẽ.

- Cấu trúc của mô hình và mô hình được xây dựng đã đảm bảo:

+ Các mục tiêu bảo tồn giá trị tài nguyên thiên nhiên và nhân văn, giải quyết công ăn việc làm cho đại đa số người dân, nâng cao trình độ và nhận thức cho cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế địa phương và tạo thu nhập cho cộng đồng dân cư, khuyến khích cộng đồng xây dựng và tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của làng nghề truyền thống huyện Ba Chẽ...

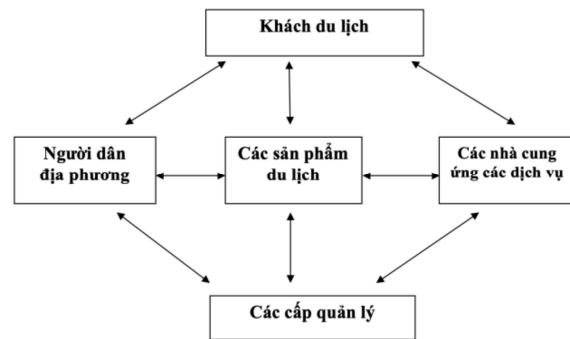
+ Các nguyên tắc: tối đa hóa sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch, đảm bảo phát triển bền vững, cộng đồng dân cư hưởng lợi ích từ việc phát triển du lịch, chia sẻ nguồn lợi từ du lịch, bồi dưỡng năng lực cho người dân địa phương...

- Cơ chế để mô hình được thực hiện: mô hình hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, đặt dưới sự quản lý của chính quyền địa phương có làng nghề truyền thống thông qua các công cụ quản lý và chính sách quản lý và sự hướng dẫn của các đơn vị nghiệp vụ chuyên môn như Sở Du lịch, Sở Văn hóa - Thể thao, phòng Du lịch, phòng Văn hóa - Thể thao... Cơ chế quản lý các làng nghề được thông qua các chỉ tiêu pháp lệnh. Đồng thời thực hiện cơ chế tự quản của cộng đồng trong hoạt động cung cấp các dịch vụ...

Hiện thực hóa mô hình đề xuất và bước đầu đánh giá tính hiện thực của mô hình, nhóm nghiên cứu cho mô

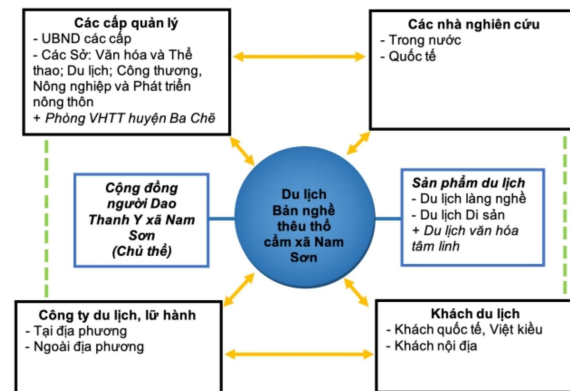
hình chạy thử với sự phối hợp cùng Công ty cổ phần dịch vụ du lịch và Thương mại Sao Mai (Địa chỉ: Tổ 11 Khu 6 - Hà Tu - Hạ Long - Quảng Ninh).

Một mô hình hệ thống du lịch có thể vận động và phát triển dựa trên hai yếu tố là cung và cầu của thị trường. Với hoạt động du lịch tại làng nghề, các bên tham gia vào hoạt động gồm có 4 nhân tố chính: khách du lịch, các nhà cung ứng dịch vụ, người dân địa phương và chính quyền địa phương do đó khi đi nghiên cứu về mô hình du lịch làng nghề, chúng ta đi nghiên cứu mối quan hệ tổng hợp của 4 nhân tố trên xung quanh một nhân tố cốt lõi đó là: các sản phẩm du lịch của làng nghề truyền thống đó. Mối quan hệ đó có thể được thể hiện qua hình sau:



Sơ đồ 1. Các bên liên quan trong một mô hình du lịch tại điểm đến

Vận dụng kinh nghiệm phát triển làng nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch ở nước ngoài; một số tỉnh trong nước và dựa trên các nguyên tắc đã nêu, đề xuất mô hình bản nghề thủ công truyền thống của người Dao Thanh Y ở xã Nam Sơn như sau:



Sơ đồ 2. Mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch

Mô hình trên được hiểu là một tổ hợp các thành tố chính và thành tố phụ có mối liên hệ với nhau qua các mối liên kết qua lại và có tác động lẫn nhau trong một môi trường nhất định. Ở mô hình này lấy du lịch bản nghề thủ công truyền thống làm trung tâm thì người Dao Thanh Y ở xã Nam Sơn và các sản phẩm

du lịch tại các bản trong xã Nam Sơn là 2 thành tố quan trọng, nòng cốt khẳng định sự bền vững của mô hình. Cộng đồng dân cư xã Nam Sơn (người dân) được đặt nền tảng mới khi họ cùng với sản phẩm là trung tâm cho sự phát triển của du lịch cộng đồng. Du lịch chỉ phát triển khi sản phẩm phát triển và đi kèm với nó đời sống văn hóa, tinh thần và kể cả vật chất của người dân được phát triển.

Một thành phần không thể thiếu được trong mô hình là các cấp quản lý (UBND các cấp, Các Sở: Văn hóa và Thể thao, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phòng Văn hóa và Thông tin huyện Ba Chẽ), đây là các cấp quản lý giúp định hướng phát triển du lịch.

Ngoài ra, mô hình có sự xuất hiện của các nhà nghiên cứu (trong nước, quốc tế): họ có vị trí, vai trò và cách thức hoạt động như sau:

- Trong mối quan hệ với các nhà quản lý: Đây là một mối quan hệ gắn kết sâu sắc vì các nhà nghiên cứu sẽ đóng vai trò là những người tư vấn cho tất cả các hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của xã Nam Sơn.

- Trong mối quan hệ với các Công ty du lịch, lữ hành: Đây cũng là một mối quan hệ gắn kết rõ nét vì các công ty du lịch, lữ hành muốn phát triển sản phẩm của mình có thể dựa vào các kết quả của hoạt động nghiên cứu của các nhà nghiên cứu về sinh hoạt văn hóa dân gian, phong tục tập quán,...

- Trong mối quan hệ với người dân địa phương, các nhà nghiên cứu góp một phần to lớn cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân, giúp người dân nhận thức về các giá trị văn hóa truyền thống để làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch văn hóa cho địa phương.

KẾT LUẬN

Bài viết đã khái quát quá các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc ít người của huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh - một trong những tỉnh nằm ở khu vực miền núi phía Bắc. Căn cứ vào kinh nghiệm thực tế của các địa phương khác để xây dựng mô hình làng nghề truyền thống khai thác du lịch hiệu quả, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương, số 03-NQ/TW (1998), Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", Hà Nội 16/7/1998.
2. Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Nghị quyết NQ 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, ban hành ngày 16/01/2017.
3. Luật số: 10/VBHN-VPQH (2013), Luật Di sản văn hóa, Văn phòng Quốc hội hợp nhất luật số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, có hiệu lực từ ngày 01/01/2010; Hà Nội, ngày 23/07/2013.
4. Luật số: 09/2017/QH14 (2017), Luật Du lịch, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2017.
5. Lê Hồng Lý (chủ biên), Dương Văn Sáu, Đặng Hoài Thu (2010), Giáo trình "Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch", Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Dương Văn Sáu (2019), Giáo trình Văn hóa Du lịch, tái bản lần 1 có sửa chữa bổ sung, Nxb Lao Động, Hà Nội.
7. Dương Văn Sáu (2019), "Những quan điểm tiếp cận mới trong công tác bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa qua con đường du lịch ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, cơ quan của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, số 423, Tháng 9 năm 2019, trang 49-52.
8. Dương Văn Sáu (2022), Giải mã Văn hóa Việt, Nxb Khoa học xã hội và MaiHaBooks phối hợp xuất bản, H.2022